TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1218/2024/HC-PT
Ngày 26 tháng 11 năm 2024
V/v: *"Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Ngô Đức Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 380/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: *"Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2024/HC-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3141/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ A, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P; xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

2.1. Ông Trần Văn H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P; vắng mặt.

2.2. Ông Bùi Tiến T1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P; có mặt.

2.3. Ông Huỳnh Hữu N - Trưởng phòng Quản lý đô thị thị xã P; vắng mặt.

2.4. Ông Tạ Ngọc N1 - Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị thị xã P; có mặt.

2.5. Ông Trần Quốc H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P; vắng mặt.

2.6. Ông Nguyễn Trung H2 - Công chức Địa chính, xây dựng phường P; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Biện Mỹ N2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ A, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N2 có:* Luật sư Đặng Văn Q - Công ty TNHH L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

Do có kháng cáo của: Bà Biện Mỹ N2 – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2023 và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Đức T trình bày:

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104, diện tích 222,4m^2 có nguồn gốc do ông Nguyễn Đức H3 là cha của ông T nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị Thu T2 vào năm 2007. Khi nhận chuyển nhượng trên đất có sẵn căn nhà 01 tầng đã cũ diện tích khoảng 72m^2, ông H3 sửa lại căn nhà cũ để ở. Đến cuối năm 2014, ông H3 xây nhà từ đường trên phần đất còn lại nhưng không có tiền nên mới chỉ xây phần móng nhà rồi để đó.

Ngày 27/8/2016, ông H3 chết. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H3 gồm vợ là bà Trần Thị Minh H4 và 04 người con là Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Như T3, Nguyễn Thị Hoài T4 và Nguyễn Thị Mộng T5. Sau khi ông H3 chết, gia đình họp bàn góp tiền để xây hoàn chỉnh căn nhà làm nơi thờ cúng và thống nhất để ông T đứng ra làm hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng. Ông T nhờ dịch vụ làm hồ sơ, diện tích đề nghị cấp phép xây dựng là 40m^2 trong phần diện tích đất ở, chiều cao công trình là 5,25m, số tầng: 01 (không có tầng hầm và tầng lửng).

Ngày 12/4/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã P cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn số 90/GPXD cho ông H3 tại thửa đất nêu trên với diện tích là 39,99m^2 (trong phần diện tích đất ở); chiều cao công trình là 5,25m; số tầng là 01 (không có tầng hầm và tầng lửng); thời hạn tồn tại công trình là 01 năm kể từ ngày cấp phép. Sau khi được cấp giấy phép, gia đình ông T tiếp tục xây nhà trên nền móng cũ ông H3 làm trước đó.

Ngày 28/6/2021, UBND phường P lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T, khi lập biên bản ông T vắng mặt. Ngày 29/6/2021, ông T được mời lên làm việc. Ông T đã ký vào biên bản vi phạm hành chính ngày 28/6/2021 do bị áp lực quá. Khi lập biên bản xử phạt, căn nhà mới xây xong phần thô, chưa hoàn thiện. Sau đó, dịch Covid 19 bùng phát, việc xây nhà bị dừng lại. Sau khi bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, do không xác định được ai là chủ đất nên gia đình thống nhất để lại thửa đất này cho ông T. Đến ngày 10/8/2022, ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/10/2022, Chủ tịch UBND thị xã P ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 172/QĐ-KPHQ. Ngày 13/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã P ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 33/QĐ-CCXP. Từ khi lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 28/6/2021 đến ngày ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, hiện trạng căn nhà là xây thô, không có gì thay đổi. Sau khi có quyết định cưỡng

chế, ông T sợ trộm cắp và sợ căn nhà hư hỏng nên đã xây hoàn thiện căn nhà như hiện nay và chuyển gia đình đến ở vào khoảng tháng 9/2023. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, ông H3 đã chết, quyền sử dụng đất diện tích 222,4m^2 thuộc về hàng thừa kế thứ nhất của ông H3. Căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N2. Vợ chồng ông T phải trả tiền cho các đồng thừa kế để được sử dụng đất. Ông T không xây phần thô của căn nhà. Ông T hoàn thiện căn nhà sau khi lập biên bản xử phạt. Biên bản vi phạm hành chính lập sai đối tượng dẫn đến việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cũng sai đối tượng.

Do đó, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 và Quyết định số 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã P. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã P.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có ý kiến:

Thửa đất số 1896 (thửa mới là 52) tờ bản đồ số 04 cũ (tờ bản đồ mới là 104) tại thôn T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 225m^2, trong đó có 40 m^2 đất ở đô thị, 185 m^2 đất trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Đức H3 đứng tên chủ sử dụng, được UBND huyện T (nay là thị xã P) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 505732 ngày 11/4/2007.

Nguồn gốc sử dụng đất do ông H3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Phan Thị Thu T2, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã P) chỉnh lý vào trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/8/2016, ông H3 chết. Đến ngày 10/8/2022, ông T được nhận thừa kế thửa đất nêu trên.

Về hồ sơ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn: Ngày 25/3/2021, ông T (là con trai của ông Nguyễn Đức H3) có làm hồ sơ và giả chữ ký của ông H3 để đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn kèm theo các hồ sơ pháp lý khác có liên quan (bản vẽ xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất…) cho thửa đất số 1896, tờ bản đồ số 04 nêu trên với diện tích đề nghị cấp phép xây dựng là 40m^2, chiều cao công trình là 5,25m, số tầng là 01 (không có tầng hầm và tầng lửng).

Ngày 12/4/2021, UBND thị xã P cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn số 90/GPXD cho ông H3 tại thửa đất nêu trên, với diện tích là 39,99 m^2 (trong phần diện tích đất ở); chiều cao công trình là 5,25m; số tầng 01 (không có tầng hầm và tầng lửng); thời hạn tồn tại công trình là 01 năm kể từ ngày cấp phép.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, UBND thị xã P phát hiện trước đây UBND thị xã cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cho ông H3 vào ngày 12/4/2021 là không đúng thực tế, vì ông H3 đã chết ngày 27/8/2016 có đăng ký khai tử tại UBND phường P, thị xã P ngày 28/8/2016.

Ngày 13/01/2022, UBND thị xã P đã ban hành Quyết định số: 43/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy phép xây dựng số 90/GPXD ngày 14/4/2021 của UBND thị xã P cấp cho ông H3.

Về việc lập biên bản xử lý vi phạm hành chính: Ngày 15/6/2021, UBND phường P kiểm tra phát hiện ông Nguyễn Đức T xây dựng công trình tại thửa đất

do ông Nguyễn Đức H3 đứng tên chủ sử dụng nêu trên, cụ thể: Diện tích xây dựng là 72m^2 (diện tích đất ở là 40m^2 còn lại 32m^2 là đất nông nghiệp); chiều cao công trình là 12m; số tầng là 03 tầng, có tầng lửng (không có tầng hầm, có biên bản làm việc kèm theo).

Ngày 28/6/2021, UBND phường P tiến hành lập Biên bản hành chính xác định ông T đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép tại khu vực đô thị, được quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15, Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở. Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính không có mặt ông T.

Đến ngày 29/6/2021, UBND phường P có mời ông T đến làm việc, ông T thống nhất hành vi vi phạm và ký vào Biên bản vi phạm hành chính mà UBND phường P đã lập ngày 28/6/2021.

Ngày 05/7/2021, UBND phường P có văn bản số: 1067/UBND chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND thị xã P để xem xét xử lý theo thẩm quyền. Ngày 13/12/2021, tiếp tục làm việc với ông T và ông T có ý kiến như sau: Trước đây ông là người đứng ra xây dựng công trình nhưng do công trình xây dựng vi phạm nên đã giao lại cho mẹ là Trần Thị Minh H4 và các em (đồng thừa kế) đứng ra xây dựng.

Tại thời điểm lập lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 28/6/2021) đến nay (tháng 3/2022) là hơn 08 tháng, nhưng do tính chất phức tạp của vụ việc, UBND thị xã P đã có Văn bản số: 2536/UBND-VP ngày 01/6/2022 gửi Cục quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp đề nghị được hướng dẫn các vướng mắc. Ngày 08/8/2022, Cục quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp có Văn bản hướng dẫn số 372/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC.

Trên cơ sở hướng dẫn Cục quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp; tại buổi làm việc ngày 08/9/2022, ông T đã thừa nhận hành vi xây dựng công trình vi phạm là do ý chí cá nhân của ông T, không liên quan đến các thành viên trong gia đình và các ý kiến trước đây của ông là không đúng, cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với các thông tin, ý kiến tại buổi làm việc. Từ kết quả làm việc ngày 08/9/2022, Văn bản hướng dẫn số: 4271/SXD-TTr ngày 05/10/2022 và thực tế công trình vi phạm, xét thấy tại thời điểm lập biên bản vi phạm, Giấy phép xây dựng có thời hạn cấp không đúng đối tượng.

Do đó, ngày 05/10/2022, UBND phường P lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 06/BB-XM, theo đó xác định công trình vi phạm của ông T đã vi phạm trong lĩnh vực xây dựng và đất đai.

Ngày 19/10/2022, Chủ tịch UBND thị xã P ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 172/QĐ-KPHQ đối với ông T. Do ông T không chấp hành Quyết định nêu trên, nên ngày 13/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 33/QĐ-CCXP.

Ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh có Quyết định số: 07/2023/QĐ-BPKCTT về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để giải quyết vụ án hành chính số: 79/2023/TLST-HC ngày 14/4/2023. Thực hiện Quyết định này, UBND thị xã P đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tạm ngừng thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 đối với ông T.

Vào các ngày 30/8/2023, ngày 19/9/2023; UBND phường P cùng các đơn vị liên quan kiểm tra, phát hiện công trình vi phạm của ông T đang tiếp tục xây dựng hoàn thiện. Thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư khóa cửa, không hợp tác khi đoàn kiểm tra yêu cầu và từ chối nhận thư mời làm việc. Hiện nay, UBND thị xã đã chỉ đạo UBND phường P và các đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi hoạt động xây dựng tại công trình trên.

Nhận thấy hành vi tái phạm nêu trên của ông T có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 343 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở quy định; UBND thị xã P đã ban hành Quyết định số: 8484/QĐ-CHS ngày 29/9/2023 về chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tại Văn bản số: 2461/CVTL-CQCSĐT ngày 05/10/2023, Công an thị xã P không tiếp nhận hồ sơ để xử lý vụ việc do việc khởi kiện của ông T chưa được Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết.

Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng quy định, UBND thị xã P đã có Văn bản số: 5896/UBND-QLĐT ngày 14/9/2023 và Văn bản số: 6399/UBND-QLĐT ngày 06/10/2023 gửi Tòa án nhân dân tỉnh xem xét áp dụng biện pháp ngăn chặn cần thiết đối với công trình liên quan đến vụ án nêu trên. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án số: 04/2024/HC-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 65 và Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Căn cứ khoản 33, 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T yêu cầu hủy Quyết định số: 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02/02/2024, bà Biện Mỹ N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Về hình thức Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện

pháp khắc phục hậu quả nhưng do Phó Chủ tịch UBND thị xã P ký tên; về nội dung Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đức T nhưng lại phá hủy tài sản của bà Biện Mỹ N2. Do đó, đề nghị hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bà B Mỹ Nương giữ yêu cầu kháng cáo cho rằng tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì gia đình bà có giấy phép xây dựng nhưng Chủ tịch UBND thị xã ban hành quyết định số: 172/QĐ-KPHQ buộc thực hiện khắc phục hậu quả phá dỡ toàn bộ công trình là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Do đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà N2 có ý kiến: Ông T đổ móng xây dựng từ ngày 10/8/2016 và sau đó tiến hành xây dựng nhà đến khi được cấp giấy phép xây dựng với diện tích 39,99m^2 trên 40m^2 đất thổ cư. Nhưng đến ngày 28/6/2021 UBND phường P lập biên bản vi phạm hành chính về việc xây dựng nhà không phép và sau đó UBND thị xã P có quyết định thu hồi giấy phép đã cấp. Chủ tịch UBND thị xã P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng là không đúng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà N2, sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Biện Mỹ N2 hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Biện Mỹ N2: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Biện Mỹ N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh

chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

- Chủ tịch UBND thị xã P ban Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm đ khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012.

- Do Chủ tịch UBND thị xã P ban hành quyết định ủy quyền số: 01/QĐ-GQXP ngày 04/01/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Phó Chủ tịch UBND thị xã P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Nguồn gốc thửa đất 1896, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa 52, tờ bản đồ số 104) tại thôn T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là của bà Phan Thị Thu T2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 505732 ngày 11/4/2007 đối với diện tích đất 225m^2 (40 m^2 đất ở đô thị và 185m^2 đất trồng cây lâu năm). Sau đó bà T2 chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Đức H3. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là thị xã P) đăng ký biến động chuyển nhượng sang tên cho ông H3 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 505732 vào ngày 01/6/2007. Ngày 27/8/2016, ông H3 chết. Ngày 13/7/2022, hàng thừa kế thứ nhất của ông H3 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã tặng cho toàn bộ diện tích đất 222,4m^2 cho ông T. Ngày 10/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P đăng ký biến động thừa kế sang tên cho ông T đối với diện tích đất 222,4m^2 thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104.

[4.2] Về việc xây dựng công trình trên thửa đất 52, tờ bản đồ số 104:

Ngày 25/3/2021, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thị xã P nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng tạm của ông Nguyễn Đức H3 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104, diện tích đất 222,4 m^2. Hồ sơ gồm: Bản cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại ngày 09/3/2021 (có chứng thực của UBND phường P số 2280, quyển số 01/SCT/CK.ĐC ngày 09/3/2021), đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và bản cam kết đảm bảo an toàn đối với công trình liền kề ngày 25/01/2021, bản vẽ xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/4/2021, UBND thị xã P cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn số 90/GPXD cho ông H3: Diện tích xây dựng là 39,99m^2 (trong phần diện tích đất ở); chiều cao công trình là 5,25m; số tầng 01 (không có tầng hầm và tầng lửng); thời hạn tồn tại công trình là 01 năm kể từ ngày cấp phép.

Tuy nhiên, qua kiểm tra việc xây dựng công trình trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104, UBND phường P đã phát hiện công trình đã xây dựng không đúng Giấy phép xây dựng và Giấy phép xây dựng có thời hạn số 90/GPXD được cấp không đúng quy định của pháp luật vì ông H3 đã chết ngày 27/8/2016. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2023 ông T thừa nhận hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 là do ông T nhờ dịch vụ làm nên ghi tên ông

Nguyễn Đức H3 và trong giấy phép xây dựng có ghi công trình được tồn tại một năm kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng. Như vậy, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 đã được cấp giấy phép xây dựng số: 90/GPXD nhưng giấy phép xây dựng được cấp là trái quy định của pháp luật và việc xây dựng là không đúng giấy phép, nên ngày 13/01/2022 UBND thị xã P đã ban hành Quyết định số: 43/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy phép xây dựng số 90/GPXD là có căn cứ.

Ngày 28/6/2021, UBND phường P lập Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng (bút lục 57) đối với ông T có hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép tại khu vực đô thị: Diện tích xây dựng là 72m^2 (16 m x 4,5 m); tường xây gạch cao 12m; diện tích sàn bê tông, cốt thép 60 m^2 x 02 sàn. Địa điểm xây dựng: Trên thửa đất số 52 tờ bản đồ số 104 tại tổ A, khu phố T, phường P , theo quy định điểm b khoản 5 Điều 15 của Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng…

Do thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông T vắng mặt, nên ngày 29/6/2021, UBND phường P mời ông T đến làm việc, ông T thống nhất hành vi vi phạm và ký vào biên bản vi phạm hành chính mà UBND phường P đã lập ngày 28/6/2021 theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[4.3] Tại biên bản xác minh làm rõ hành vi xây dựng công trình vi phạm tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 tại khu phố T, phường P, do UBND phường P lập ngày 08/9/2022 (bút lục 42) ông T đã thừa nhận hành vi xây dựng công trình vi phạm tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 tại khu phố T, phường P là do ý chí cá nhân của ông T, không liên quan đến các thành viên trong gia đình, các ý kiến trước đây của ông T là không đúng; Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 05/10/2022 (bút lục số 40) đối với ông Nguyễn Đức T do có hành vi vi phạm hành chính: Về xây dựng, tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ trong đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, công trình xây dựng có diện tích xây dựng 40m^2, quy mô 3 tầng trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 tại khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện công trình đã xây dựng xong phần thô, chưa hoàn thiện; về đất đai: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép với diện tích 32m² trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 tại khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian thực hiện hành vi vi phạm từ ngày 15/6/2021. Xây dựng công trình vi phạm tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 104 tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Do đó, ngày 19/10/2022 Chủ tịch UBND thị xã P ban hành Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ về việc buộc ông Nguyễn Đức T thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phá dỡ công trình xây dựng vi phạm theo quy định; khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 77.164 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các điểm a, c khoản 4 Điều 11 của Nghị định số:

91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về yêu cầu hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Biện Mỹ N2 kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N2.

Do đó, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Biện Mỹ N2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T yêu cầu hủy Quyết định số: 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Biện Mỹ N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2024/HC-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 65 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Căn cứ khoản 33, 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về yêu cầu hủy Quyết định số: 172/QĐ-KPHQ ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Biện Mỹ N2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000241 ngày

23/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T yêu cầu hủy Quyết định số: 33/QĐ-CCXP ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)